

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HSST
Ngày: 16/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Năm.
Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Ông **Lương Văn Thứ**
 - + Bà **Nguyễn Thị Lân**
- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Phan Hải** - Thư ký tòa án nhân dân huyện H.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** ông **Đinh Hồng Khanh** - kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/HSST ngày 18/9/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX ngày 02/10/2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Đức N**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày: 14/4/2000; nơi cư trú: thôn 10, xã Q, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH; Quốc tịch: VIỆT NAM; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Đức B; Sinh năm 1975 và bà: Vũ Thị Y, Sinh năm 1980; bị cáo có hai anh em ruột; bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 10/7/2018, đến ngày 19/7/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn ‘Cấm đi khỏi nơi cư trú’; có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

1. Anh **Trương Văn N1**, sinh năm 1978, trú tại thôn 1, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH, vắng mặt tại phiên tòa;
2. Chị **Vũ Kiều L**, sinh năm 1989, trú tại thôn 1, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH; Đại diện theo ủy quyền của chị L là anh Trương Văn N1; vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Bà **Bế Thị M**, sinh năm 1954, trú tại thôn 1, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH, vắng mặt tại phiên tòa;
2. Anh **Trương Văn S**, sinh năm 1973, trú tại thôn 1, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh **Trương Văn C**, sinh năm 1975; trú tại thôn 3, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 10/7/2018, tại nhà anh Trương Văn N1 thuộc thôn 1, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH, Nguyễn Đức N có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình anh Trương Văn N1 02 chiếc nhẫn kim loại vàng hàm lượng 99.99% trị giá 13.328.000đ (*Mười ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình về cơ bản giống với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo.

Bị cáo N khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 10/7/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 14P7 - 7423, đi đến đoạn đường liên xã gần khu vực thôn 1, xã Q1, huyện H. Thấy một gia đình khóa cửa, không có ai ở nhà (sau bị cáo biết đó là nhà anh Trương Văn N1), N dùng chân đạp vào cánh cửa ra vào nhà anh N1 làm gãy then cài cửa, cánh cửa bung ra. N vào trong nhà dùng tay giật cánh cửa tủ bung ra, rồi lục lọi chiếc áo da treo trong tủ thì thấy phát ra tiếng động, N móc tay vào trong túi áo thì thấy có hai chiếc hộp đựng nhẫn màu đỏ, N mở một hộp ra thì thấy có một chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong, N cầm chiếc nhẫn đeo vào ngón tay, chiếc hộp còn lại N lắc thì thấy có nhẫn bên trong nên không mở mà cất hai chiếc hộp vào túi đeo trên người. N đi ra ngoài nhà và nghĩ rằng lấy trộm vàng sẽ đen đủi nên tháo nhẫn vàng ra và vất nhẫn vàng cùng hộp đựng nhẫn ở vườn cạnh sau nhà anh N1. Sau đó, N lại tiếp tục vào gian phòng trong cùng giật bung cánh tủ ở góc phòng để tìm tài sản. Khi N đang lục soát thì anh N1 về bắt quả tang. Sau khi bị bắt giữ, N đã chỉ cho cơ quan điều tra kiểm tra tìm tại hiện trường để thu giữ 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, đường kính 02 cm; 02 hộp nhựa đựng nhẫn màu đỏ. Cơ quan điều tra cũng thu giữ của bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 14P7 - 7423; 01 thanh kiếm; 01 vỏ ống bằng kim loại và một số vật dụng khác.

Tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo

Người bị hại là anh Trương Văn N1 và chị Vũ Kiều L, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo. Anh N1 khẳng định đã bắt được quả tang bị cáo trộm cắp tài sản và đã được trả lại tài sản, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình anh. Nay anh thấy bị cáo tuổi trẻ, phạm tội do nhất thời nông nổi háms lợi nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng như bà Bé Thị M, anh Trương Văn S, anh Trương Văn C cùng có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại.

Tại Kết luận giám định số 4647 ngày 23/8/2018, của Viện khoa học hình sự - Bộ công an, kết luận: 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng (ký hiệu M1) gửi giám định có khối lượng 8,27 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,99%; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng (ký hiệu M2) gửi giám định có khối lượng 5,90 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,99%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 344 ngày 17/7/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện H, kết luận: Chiếc nhẫn vàng bản to phay hoa có khối lượng 8,27 gam trị giá 7.773.000 đồng; chiếc nhẫn vàng bản to phay hoa có khối lượng 5,91 gam trị giá 5.555.000 đồng. Tổng trị giá 02 chiếc nhẫn vàng là 13.328.000đ (*Mười ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 36 /KSĐT-HS ngày 17/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng đối với bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm, 01 vỏ bao đựng kiếm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đã xác định được như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 10/7/2018, tại nhà anh Trương Văn N1 thuộc thôn 1, xã Q1, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH, Nguyễn Đức N có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình anh Trương Văn N1 02 chiếc nhẫn kim loại vàng hàm lượng 99.99% trị giá 13.328.000đ (*Mười ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

[2] Hành vi của Nguyễn Đức N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điều luật cũng như

mức hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cáo trạng mà VKSND H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Luận tội của đại diện VKSND H là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Đức N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người bị hại. Bị cáo là người thành niên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng lao động nhưng lại hám lợi mà phạm tội. Vì vậy cần áp dụng một mức án phù hợp đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ:

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện cùng gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngày 10/11/2016, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về hành vi “trộm cắp tài sản” với vai trò đồng phạm thứ yếu trong vụ án; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được coi là không có án tích. Trong trường hợp này, theo hướng dẫn của Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 thì bị cáo vẫn được đánh giá là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Sau khi xem xét, đánh giá nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, HĐXX thấy bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội do nhất thời hám lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo với một thời gian thử thách phù hợp.

[8] Về phần dân sự: Bị hại không yêu C nên không đề cập giải quyết.

[9] **Về vật chứng vụ án:** Đối với các vật chứng vụ án đã được xử lý trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Riêng đối với một thanh kiếm và 01 vỏ kiếm là vật cũ hỏng, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do bị cáo không có thu nhập, phạm tội vì nhất thời hám lợi nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử được Hội đồng xét xử đánh giá là hợp pháp.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong phạm vi và thời hạn luật định.

[13] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức N 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Đức N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh QUẢNG NINH giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm và 01 vỏ bao đựng kiếm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra huyện H và Chi cục thi hành án huyện H ngày 18/9/2018)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi gửi:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS H;
- VKSND tỉnh QUẢNG NINH;
- TAND tỉnh QUẢNG NINH;
- Lưu hồ sơ + THA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Năm